



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
THIÊN VIỆT**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh**

Số 0103014996

Ngày 13 tháng 12 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

**Giấy phép Hoạt động
Kinh doanh
Chứng khoán**

Số 36/UBCK-GPHDKD

Ngày 25 tháng 12 năm 2006

Số 67/UBCK-GP

Ngày 24 tháng 8 năm 2007

Số 92/UBCK-GPĐCCTCK

Ngày 5 tháng 12 năm 2007

Số 115/GPĐC-UBCK

Ngày 3 tháng 12 năm 2012

Số 38/GPĐC-UBCK

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trung Hà

Chủ tịch

Bà Đinh Thị Hoa

Phó Chủ tịch

Ông Nguyễn Nam Sơn

Thành viên

Bà Nguyễn Thanh Thảo

Thành viên

Ông Phạm Ngọc Quỳnh

Thành viên

Bà Bùi Thị Kim Oanh

Thành viên

Ông Phan Thanh Diện

Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thanh Thảo

Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 4, tòa nhà TĐL
22 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

63 Võ Văn Tần, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 2016



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-077/4



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hiếu

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 1572-2013-007-1

Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B01-CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		659.874.948	731.724.251
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		88.946.938	75.380.448
Tiền	111	5	88.946.938	75.380.448
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	517.450.711	560.859.515
Đầu tư ngắn hạn	121		554.541.921	568.134.332
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(37.091.210)	(7.274.817)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.054.536	94.401.830
Phải thu của khách hàng	131	8	4.857.360	5.840.864
Trả trước cho người bán	132		201.063	2.549.944
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		68.440	113.025
Các khoản phải thu khác	138	9	47.927.673	85.897.997
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		422.763	1.082.458
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		411.225	386.709
Thuê và các khoản phải thu Nhà nước	154	16	-	39.441
Tài sản ngắn hạn khác	158		11.538	656.308
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		65.158.324	19.564.417
II. Tài sản cố định	220		9.873.670	1.660.373
Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.101.013	577.001
Nguyên giá	222		19.224.614	15.085.711
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.123.601)	(14.508.710)
Tài sản cố định vô hình	227	11	782.128	1.083.372
Nguyên giá	228		6.756.247	6.347.650
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.974.119)	(5.264.278)
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230	12	4.990.529	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	7	47.073.779	10.369.779
Đầu tư vào công ty con	251		36.704.000	-
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		12.058.259	12.058.259
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		12.058.259	12.058.259
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.688.480)	(1.688.480)
V. Tài sản dài hạn khác	260		8.210.875	7.534.265
Chi phí trả trước dài hạn	261		708.523	568.680
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	2.880.084	2.880.084
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	263	14	3.599.086	3.066.824
Tài sản dài hạn khác	268		1.023.182	1.018.677
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		725.033.272	751.288.668

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B01-CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ	300		149.372.302	239.520.940
I. Nợ ngắn hạn	310		149.372.302	239.520.940
Vay ngắn hạn	311	15	40.000.000	144.935.000
Phải trả người bán	312		1.580.264	4.677.592
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	14.038.484	11.110.210
Phải trả người lao động	315		10.809.389	2.759.210
Chi phí phải trả	316		42.633	154.552
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	1.914.677	1.097.985
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	18	69.104.956	66.010.723
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	256
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	19	11.881.899	8.775.412
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		575.660.970	511.767.728
I. Vốn chủ sở hữu	410		575.660.970	511.767.728
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	476.438.880	430.000.000
Cổ phiếu quỹ	414	20	(35.631.190)	(35.631.190)
Quỹ dự phòng tài chính	418		21.337.561	16.784.385
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		21.337.561	16.784.385
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		92.178.158	83.830.148
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		725.033.272	751.288.668

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	46.189.912	46.533.442
5. Ngoại tệ các loại	005	15.262.057	18.195
6. Chứng khoán lưu ký	006	900.801.390	815.036.960
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	792.584.690	547.873.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	138.543.670	67.574.970
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	648.307.100	479.760.990
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	5.733.920	537.040
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	17.343.900	5.006.240
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	17.343.900	5.006.240
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	79.200.000	79.200.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	79.200.000	79.200.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	4.030.390	12.305.830
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	661.600	20
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	3.368.790	12.305.810
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	037	6.369.850	6.369.850
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	038	6.369.850	6.369.850
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	1.272.560	164.282.040
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng lưu ký	038	-	540
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	1.272.560	164.281.500

Người lập



Bà Nguyễn Thị Vân
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra



Ông Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Người duyệt



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 3 năm 2016


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Mẫu B02-CTCK

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND'000	2014 VND'000
Doanh thu	01		206.208.096	175.606.845
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	21	49.993.577	13.496.236
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	01.2	22	55.044.146	122.578.943
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		69.681.222	9.418.800
Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	01.6		361.341	274.124
Doanh thu khác	01.9	23	31.127.810	29.838.742
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		206.208.096	175.606.845
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	24	(78.766.875)	(60.853.109)
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		127.441.221	114.753.736
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	(16.342.210)	(15.819.199)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		111.099.011	98.934.537
Thu nhập khác	31		4.274.731	28
Chi phí khác	32		(497.336)	(849)
Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		3.777.395	(821)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		114.876.406	98.933.716
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	(23.812.876)	(18.519.747)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	26	-	(1.408.229)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		91.063.530	79.005.740
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu – trình bày lại)	70	27	2.101	1.823

Người lập


 Bà Nguyễn Thị Vân
 Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra


 Ông Lê Quang Tiến
 Kế toán trưởng
 Ngày 1 tháng 3 năm 2016

Người duyệt


 Bà Nguyễn Thanh Thảo
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này.


CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

Mẫu B05-CTCK

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm				Số dư cuối năm	
	31/12/2013	31/12/2014	2014		2015		31/12/2014	31/12/2015
	VND'000	VND'000	Tăng VND'000	Giảm VND'000	Tăng VND'000	Giảm VND'000	VND'000	VND'000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	430.000.000	430.000.000	-	-	46.438.880	-	430.000.000	476.438.880
Cổ phiếu quỹ	(35.631.190)	(35.631.190)	-	-	-	-	(35.631.190)	(35.631.190)
Quỹ dự phòng tài chính	12.834.098	16.784.385	3.950.287	-	4.553.176	-	16.784.385	21.337.561
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	12.834.098	16.784.385	3.950.287	-	4.553.176	-	16.784.385	21.337.561
Lợi nhuận chưa phân phối	55.294.982	83.830.148	79.005.740	(50.470.574)	91.063.530	(82.715.520)	83.830.148	92.178.158
	475.331.988	511.767.728	86.906.314	(50.470.574)	146.608.762	(82.715.520)	511.767.728	575.660.970

Người lập


Bà Nguyễn Thị Vân
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra


Ông Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Người duyệt


Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT**Mẫu B03-CTCK****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng****cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)**

	Mã số	2015 VND'000	2014 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	114.876.406	98.933.716
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao và phân bổ	02	1.324.732	1.839.398
Trích lập chi phí dự phòng	03	29.816.394	6.540.676
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	119.464	29.585
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(20.372.979)	(17.551.327)
Chi phí lãi vay	06	8.140.101	4.436.066
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	133.904.118	94.228.114
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(57.588.507)	(69.820.848)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	10.787.873	(3.731.519)
Tiền lãi vay đã trả	13	(8.252.021)	(4.367.382)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(23.828.527)	(20.337.110)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	55.022.936	(4.028.745)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(9.538.029)	(982.060)
Tiền thu hồi từ bán lại chứng khoán nợ và chứng khoán vốn	24	-	130.068.827
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(36.704.000)	-
Tiền thu gốc từ tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		107.500.000	(338.400.000)
Tiền thu lãi từ tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		25.384.276	25.307.392
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	86.642.247	(184.005.841)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng này.

	Mã số	2015 VND'000	2014 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	1.157.479.848	144.935.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.262.414.848)	(84.340.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23.163.693)	(43.349.396)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(128.098.693)	17.245.604
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	13.566.490	(170.788.982)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	75.380.448	246.169.430
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 5)	70	88.946.938	75.380.448

Người lập



Bà Nguyễn Thị Vân
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra



Ông Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Người duyệt



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 3 năm 2016

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo*Cơ sở thành lập*

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014996 ngày 13 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 36/UBCK-GPHĐKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo.

Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, các hoạt động tự doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 476 tỷ VND (31/12/2014: 430 tỷ VND).

Niêm yết

Theo Quyết định số 512/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 25 tháng 12 năm 2014, từ ngày 25 tháng 12 năm 2014, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu chứng khoán niêm yết là TVS, ngày chính thức giao dịch bắt đầu từ ngày 15 tháng 1 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số lượng cổ phiếu niêm yết là 47.643.888 cổ phiếu TVS tương ứng với vốn điều lệ là 476 tỷ VND.

Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại Hà Nội và một chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty con

Trong năm 2014, Công ty tiến hành các thủ tục để mua cổ phần tương đương 99,2% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, một công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam. Ngày 13 tháng 2 năm 2015, Công ty nhận được Quyết định số 178/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận giao dịch chuyển nhượng. Tại ngày 12 tháng 3 năm 2015, Công ty đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng và ghi nhận khoản đầu tư vào công ty con. Tại ngày 20 tháng 5 năm 2015, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Điều chỉnh Giấy phép Thành lập và Hoạt động, theo đó Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có một công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("TVAM")	Giấy phép Thành lập và hoạt động số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 10/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 5 năm 2015	Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán	25 tỷ VND	99,2%

Tổng số nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 64 nhân viên (31/12/2014: 63 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 ("Thông tư 95") và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 ("Thông tư 162") do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Báo cáo tài chính riêng đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất, tình hình biến động vốn chủ sở hữu trước hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính riêng này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam, được làm tròn đến hàng nghìn ("VND'000").

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(a)); và
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh 4(q)).

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, trong đó tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

(c) Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

(i) Phân loại

- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và danh mục ủy thác đầu tư cho công ty quản lý quỹ.

Chứng khoán thương mại là các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua cho mục đích tự doanh.

Danh mục ủy thác đầu tư cho công ty quản lý quỹ là các khoản đầu tư ủy thác cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“TVAM”) để thực hiện đầu tư vào chứng khoán trên thị trường Việt Nam. Công ty được hưởng toàn bộ lợi nhuận từ danh mục đầu tư do TVAM quản lý, đồng thời chịu trách nhiệm cho toàn bộ rủi ro liên quan đến danh mục đầu tư.

- Chứng khoán đầu tư dài hạn bao gồm chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán sẵn sàng để bán bao gồm chứng khoán phi phái sinh được nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào, mà không phải là các chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

(ii) Ghi nhận và dừng ghi nhận

Công ty ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày Công ty chính thức trở thành một bên theo các điều khoản hợp đồng có hiệu lực của các khoản đầu tư (hạch toán vào ngày giao dịch).

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển đi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu.

(iii) Đo lường

Các khoản đầu tư chứng khoán được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Giá gốc của chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ với chi tiết như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch, giá chứng khoán để trích lập dự phòng là giá chứng khoán thực tế tại Sở Giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập, cụ thể:
 - Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
 - Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

ii. Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

(d) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty con phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi công ty con tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”).

Theo Thông tư 228, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(f) Tài sản cố định hữu hình**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí.

Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• vật kiến trúc	3 năm
• phương tiện vận chuyển	6 năm
• thiết bị văn phòng	2 – 5 năm
• tài sản khác	<u>3 năm</u>

(g) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí máy móc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(i) Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Các quỹ dự trữ pháp định

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo quyết định của Đại hội cổ đông. Mức trích lập hàng năm do Đại hội cổ đông quyết định theo Điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

(m) Vốn cổ phần**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

(ii) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được Thông báo thanh toán cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(iv) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số lượng chứng khoán và mức phí áp dụng.

(v) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại các ngân hàng, tiền ứng trước cho khách hàng cho hoạt động giao dịch chứng khoán, các khoản cho khách hàng vay giao dịch ký quỹ và các khoản phải thu khác từ nhà đầu tư. Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí lãi được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty chưa xác định được số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi trích từ lãi thuần trong năm của Công ty. Do đó, sự thay đổi chính sách kế toán này không ảnh hưởng đến lãi cơ bản trên cổ phiếu.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(s) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa tại Thông tư 95 và Thông tư 162 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính riêng này.

(t) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư quy định trong Thông tư 95 và Thông tư 162 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính riêng này thì được hiểu là có số dư bằng không.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

5. Tiền

	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Tiền gửi ngân hàng		
▪ Tiền gửi ngân hàng của Công ty	17.139.983	9.387.474
▪ Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư	71.806.955	65.992.974
	88.946.938	75.380.448

6. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2015		2014	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND'000	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND'000
Của Công ty	12.303.710	310.135.898	15.808.994	589.530.058
<i>Cổ phiếu</i>	<i>12.303.710</i>	<i>310.135.898</i>	<i>14.818.994</i>	<i>483.779.928</i>
<i>Trái phiếu</i>	-	-	<i>990.000</i>	<i>105.750.130</i>
Của nhà đầu tư	210.777.703	3.737.652.811	298.030.452	4.990.185.496
<i>Cổ phiếu</i>	<i>210.777.703</i>	<i>3.737.652.811</i>	<i>298.030.452</i>	<i>4.990.185.496</i>
	223.081.413	4.047.788.709	313.839.446	5.579.715.554

7. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn như sau:

	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Chứng khoán thương mại	224.697.572	229.734.332
Đầu tư ngắn hạn khác	329.844.349	338.400.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng (i)</i>	<i>230.900.000</i>	<i>338.400.000</i>
<i>Danh mục ủy thác đầu tư do Công ty Cổ phần Quản lý</i>		
<i>Quỹ Thiên Việt quản lý (ii)</i>	<i>98.944.349</i>	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (iii)	(37.091.210)	(7.274.817)
	517.450.711	560.859.515

- (i) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc 13 tháng và hưởng lãi suất năm từ 6,2%/năm đến 6,5%/năm (31/12/2014: kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 13 tháng và hưởng lãi suất năm từ 5,6%/năm đến 8,2%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

Bao gồm trong đó là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 58.400.000 nghìn VND có kỳ hạn 13 tháng, lãi suất từ 6,2% đến 6,3%/năm, được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty (31/12/2014: 202.900.000 nghìn VND và 7%/năm) (Thuyết minh 15).

- (ii) Ngày 15 tháng 6 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng quản lý danh mục đầu tư với TVAM số 100001/HĐQLDM để thực hiện đầu tư vào chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Công ty được hưởng toàn bộ lợi nhuận từ Danh mục đầu tư do TVAM quản lý, đồng thời chịu trách nhiệm cho toàn bộ rủi ro liên quan đến Danh mục đầu tư. Vốn đầu tư được xác định theo từng lần đầu tư. Thời hạn của hợp đồng là 3 tháng từ ngày 15 tháng 6 năm 2015 đến ngày 14 tháng 9 năm 2015 trừ trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn theo quy định của hợp đồng này. Hợp đồng này được tự động gia hạn liên tục thêm một kỳ hạn 3 tháng khi hết hạn mỗi kỳ hạn trừ trường hợp một trong các bên có thông báo chấm dứt hợp đồng bằng văn bản trong thời hạn ít nhất 10 ngày trước khi hết kỳ hạn hợp đồng đang có hiệu lực.

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND'000	VND'000
Đầu tư vào công ty con	36.704.000	-
Đầu tư chứng khoán dài hạn	12.058.259	12.058.259
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	<i>12.058.259</i>	<i>12.058.259</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.688.480)	(1.688.480)
	47.073.779	10.369.779

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

Mẫu B09-CTCK

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư được nắm giữ bởi Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (số dư cuối năm) và ngày 31 tháng 12 năm 2014 (số dư đầu năm) như sau:

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm VND'000	Đầu năm VND'000	Tăng Cuối năm VND'000	Đầu năm VND'000	(Giảm) Cuối năm VND'000	Đầu năm VND'000	Cuối năm VND'000	Đầu năm VND'000
I. Chứng khoán thương mại	9.554.367	6.757.553	224.697.572	229.734.332	26.010.791	26.977.502	(33.259.706)	(7.274.817)	217.448.657	249.437.017
Cổ phiếu niêm yết	9.554.367	6.757.553	224.697.572	229.734.332	26.010.791	26.977.502	(33.259.706)	(7.274.817)	217.448.657	249.437.017
II. Đầu tư ngắn hạn khác	4.577.294	-	329.844.349	338.400.000	4.070.313	-	(3.831.504)	-	330.083.158	338.400.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng</i>			<i>230.900.000</i>	<i>338.400.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>230.900.000</i>	<i>338.400.000</i>
<i>Danh mục ủy thác đầu tư do TVAM quản lý</i>	<i>4.577.294</i>	<i>-</i>	<i>98.944.349</i>	<i>-</i>	<i>4.070.313</i>	<i>-</i>	<i>(3.831.504)</i>	<i>-</i>	<i>99.183.158</i>	<i>-</i>
Cổ phiếu niêm yết	4.577.294	-	81.664.480	-	4.070.313	-	(3.831.504)	-	81.903.289	-
Tiền gửi không kỳ hạn			18.179.603	-	-	-	-	-	18.179.603	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán			(899.734)	-	-	-	-	-	(899.734)	-
III. Đầu tư góp vốn	2.480.000	-	36.704.000	-	-	-	-	-	36.704.000	-
Đầu tư vào công ty con	2.480.000	-	36.704.000	-	-	-	-	-	36.704.000	-
IV. Chứng khoán đầu tư	919.870	1.029.870	12.058.259	12.058.259	-	-	(1.688.480)	(1.688.480)	10.369.779	10.369.779
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	<i>919.870</i>	<i>1.029.870</i>	<i>12.058.259</i>	<i>12.058.259</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(1.688.480)</i>	<i>(1.688.480)</i>	<i>10.369.779</i>	<i>10.369.779</i>
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	919.870	1.029.870	12.058.259	12.058.259	-	-	(1.688.480)	(1.688.480)	10.369.779	10.369.779

(*) Bao gồm cổ phiếu chưa niêm yết không có đủ ba báo giá với giá trị sổ sách theo kế toán là 12.058.259 nghìn VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (31/12/2014: 12.058.259 nghìn VND). Các cổ phiếu này đang được phản ánh theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

(iii) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1	7.274.817	929.186
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 24)	29.816.393	6.345.631
Số dư tại ngày 31 tháng 12	<u>37.091.210</u>	<u>7.274.817</u>

Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Chứng khoán	Số lượng	Giá gốc	Giảm so với	Giá trị
		VND'000	giá thị trường	thị trường
			VND'000	VND'000
Chứng khoán thương mại				
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>				
REE	1.096.005	29.219.823	(1.600.497)	27.619.326
SHG	2.228.000	21.829.307	(12.694.507)	9.134.800
DHG	254.949	21.239.963	(4.285.854)	16.954.109
TRC	391.190	15.366.808	(7.386.532)	7.980.276
CSM	310.005	11.377.654	(3.720.530)	7.657.124
FCN	525.990	11.254.444	(524.248)	10.730.196
PGS	327.600	7.492.580	(1.759.580)	5.733.000
HSG	206.707	7.058.275	(547.004)	6.511.271
QBS	500.000	5.043.000	(643.000)	4.400.000
GSP	257.960	4.003.020	(82.028)	3.920.992
Khác	76.705	1.454.156	(15.926)	1.438.230
		<u>135.339.030</u>	<u>(33.259.706)</u>	<u>102.079.324</u>
Đầu tư ngắn hạn khác				
<i>Cổ phiếu niêm yết trong danh mục ủy thác đầu tư do TVAM quản lý</i>				
LDG	909.999	12.144.537	(1.497.549)	10.646.988
TNG	482.300	9.918.077	(754.377)	9.163.700
HPG	309.400	9.121.111	(86.631)	9.034.480
FCN	382.200	8.396.625	(599.745)	7.796.880
HQC	910.000	5.308.343	(485.343)	4.823.000
ACB	227.500	4.564.789	(60.289)	4.504.500
KBC	236.600	3.303.300	(203.840)	3.099.460
VNS	72.799	2.356.820	(143.730)	2.213.090
		<u>55.113.602</u>	<u>(3.831.504)</u>	<u>51.282.098</u>
		<u>190.452.632</u>	<u>(37.091.210)</u>	<u>153.361.422</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Chứng khoán	Số lượng	Giá gốc VND'000	Giảm so với giá thị trường VND'000	Giá trị thị trường VND'000
Chứng khoán đầu tư				
Chứng khoán sẵn sàng để bán				
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>				
TVT	50.000	3.000.000	(1.688.480)	1.311.520

8. Phải thu của khách hàng

	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Phải thu phí tư vấn	4.855.654	5.840.000
Các khoản phải thu khác	1.706	864
	<u>4.857.360</u>	<u>5.840.864</u>

9. Các khoản phải thu khác

	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Ứng trước cho nhà đầu tư	1.536.236	18.716.610
Phải thu khác từ nhà đầu tư	-	30.000.000
Cổ tức phải thu	293.393	634.901
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.326.943	9.338.239
Phải thu từ hoạt động ký quỹ	41.626.116	25.920.132
Các khoản phải thu khác	144.985	1.288.115
	<u>47.927.673</u>	<u>85.897.997</u>

10. Tài sản cố định hữu hình

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Vật kiến trúc VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tài sản khác VND'000	Tổng cộng VND'000
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 1 tháng 1	1.491.568	641.122	12.750.425	202.596	15.085.711
Tăng trong năm	-	-	4.138.903	-	4.138.903
Số dư tại ngày 31 tháng 12	1.491.568	641.122	16.889.328	202.596	19.224.614
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 1 tháng 1	1.180.996	641.122	12.535.238	151.354	14.508.710
Khấu hao trong năm	285.822	-	296.706	32.363	614.891
Số dư tại ngày 31 tháng 12	1.466.818	641.122	12.831.944	183.717	15.123.601
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 1 tháng 1	310.572	-	215.187	51.242	577.001
Số dư tại ngày 31 tháng 12	24.750	-	4.057.384	18.879	4.101.013

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 13.904.397 nghìn VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2014: 13.723.337 nghìn VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Vật kiến trúc VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tài sản khác VND'000	Tổng cộng VND'000
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 1 tháng 1	1.491.568	641.122	12.568.365	202.596	14.903.651
Tăng trong năm	-	-	182.060	-	182.060
Số dư tại ngày 31 tháng 12	1.491.568	641.122	12.750.425	202.596	15.085.711
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 1 tháng 1	830.206	632.218	11.773.769	118.991	13.355.184
Khấu hao trong năm	350.790	8.904	761.469	32.363	1.153.526
Số dư tại ngày 31 tháng 12	1.180.996	641.122	12.535.238	151.354	14.508.710
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 1 tháng 1	661.362	8.904	794.596	83.605	1.548.467
Số dư tại ngày 31 tháng 12	310.572	-	215.187	51.242	577.001

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2015 VND'000	2014 VND'000
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	6.347.650	6.275.910
Tăng trong năm	408.597	-
Chuyển từ chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	1.000.000
Xóa sổ	-	(928.260)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	6.756.247	6.347.650
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	5.264.278	4.578.406
Hao mòn trong năm	709.841	685.872
Số dư tại ngày 31 tháng 12	5.974.119	5.264.278
Giá trị còn lại		
Số dư tại ngày 1 tháng 1	1.083.372	1.697.504
Số dư tại ngày 31 tháng 12	782.128	1.083.372

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 5.247.650 nghìn VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2014: 3.121.550 nghìn VND).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND'000	2014 VND'000
Số dư đầu năm	-	200.000
Tăng trong năm	4.990.529	800.000
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	-	(1.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.990.529	-

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là giá trị hợp đồng phần mềm giao dịch chứng khoán đang trong quá trình triển khai, chưa sẵn sàng đưa vào sử dụng.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	371.466	371.466
Dự phòng phải thu khó đòi	2.508.618	2.508.618
	<hr/>	<hr/>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	2.880.084	2.880.084

14. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2015 VND'000	2014 VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1	3.066.824	2.900.321
Tăng trong năm	332.392	-
Tiền lãi phân bổ trong năm	199.870	166.503
	<hr/>	<hr/>
Số dư tại ngày 31 tháng 12	3.599.086	3.066.824

15. Vay ngắn hạn

Đây là các khoản vay thấu chi tại các ngân hàng thương mại, được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng có tổng giá trị ghi sổ là 58.400.000 nghìn VND. Các khoản vay này có thể thanh toán trước hạn và chịu lãi suất từ 6,2%/năm đến 6,3%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (31/12/2014: 202.900.000 nghìn VND, kỳ hạn 13 tháng, lãi suất 7%/năm) (Thuyết minh 7).

16. Thuế và các khoản phải nộp/(phải thu) Nhà nước

	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
<i>Phải nộp</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.832.206	9.847.857
Thuế thu nhập cá nhân	3.767.828	1.247.973
Thuế giá trị gia tăng	438.450	346
Thuế khác	-	14.034
	14.038.484	11.110.210
<i>Phải thu</i>		
Thuế giá trị gia tăng	-	(39.441)

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Phải trả cổ tức	1.138.935	1.082.628
Phải trả khác	775.742	15.357
	1.914.677	1.097.985

18. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (tiền ký quỹ của nhà đầu tư)	66.403.659	65.992.974
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	2.701.297	-
Phải trả khác	-	17.749
	69.104.956	66.010.723

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên theo quy chế tài chính của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Số dư đầu năm	8.775.412	8.970.861
Trích lập trong năm từ lợi nhuận chưa phân phối	3.950.288	-
Sử dụng trong năm	(843.801)	(195.449)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	11.881.899	8.775.412

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số lượng cổ phiếu	VND'000	Số lượng cổ phiếu	VND'000
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	47.643.888	476.438.880	43.000.000	430.000.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(4.300.000)	(35.631.190)	(4.300.000)	(35.631.190)
	<hr/>		<hr/>	
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	43.343.888	440.807.690	38.700.000	394.368.810

Mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá 10.000 VND và tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được quyền nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Các cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau liên quan đến việc chia tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu Công ty mua lại, toàn bộ các quyền đều bị treo cho đến khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

Biến động vốn cổ phần đã góp trong năm như sau:

	2015		2014	
	Số lượng cổ phiếu	VND'000	Số lượng cổ phiếu	VND'000
Số dư đầu năm	43.000.000	430.000.000	43.000.000	430.000.000
Tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận chưa phân phối	4.643.888	46.438.880	-	-
Số dư cuối năm	47.643.888	476.438.880	43.000.000	430.000.000

Phương án sử dụng vốn thu được:

Việc sử dụng lợi nhuận chưa phân phối để tăng vốn điều lệ là nhằm tái đầu tư lợi nhuận, bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

21. Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Đây là doanh thu từ phí môi giới giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư. Phí giao dịch được tính với mức phí từ 0,15% đến 0,50% giá trị giao dịch của nhà đầu tư (2014: từ 0,15% đến 0,50%).

22. Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

	2015 VND'000	2014 VND'000
Lãi từ hoạt động mua, bán cổ phiếu	40.702.912	101.376.342
Lãi từ hoạt động mua, bán trái phiếu	-	3.754.326
Thu nhập cổ tức (Thuyết minh 26)	14.341.234	8.944.525
Thu nhập lãi trái phiếu	-	8.503.750
	55.044.146	122.578.943

23. Doanh thu khác

	2015 VND'000	2014 VND'000
Thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng	22.762.425	24.465.920
Thu nhập lãi từ các khoản ứng trước cho khách hàng	1.099.572	2.447.475
Thu nhập từ hoạt động ký quỹ	5.054.843	624.836
Thu nhập từ phí quản lý hồ sơ khách hàng vay tại ngân hàng	417.379	1.337.069
Chênh lệch lãi tỷ giá ngoại tệ	102.225	19.606
Thu nhập khác	1.691.366	943.836
	31.127.810	29.838.742

24. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2015 VND'000	2014 VND'000
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	5.328.586	15.550.334
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	195.045
Chi phí tổn thất từ xử lý các khoản phải thu quá hạn	-	3.134.649
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 7(iii))	29.816.393	6.345.631
Lương và các chi phí liên quan	23.271.178	13.192.068
Thuế, phí và lệ phí	2.663.475	2.703.434
Chi phí lãi vay của các khoản vay khác	8.140.101	3.618.321
Chi phí lãi vay của khoản vay có thể chuyển đổi	-	817.745
Chiết khấu trái phiếu	-	4.251.357
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.399.623	4.140.721
Chi phí thuê văn phòng	1.695.236	1.869.023
Chi phí hao mòn tài sản cố định	942.159	1.591.391
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	57.111	645.744
Chi phí vật tư, công cụ	595.023	624.411
Chi phí tư vấn	3.333	283.158
Chi phí khác	1.854.657	1.890.077
	<hr/> 78.766.875 <hr/>	<hr/> 60.853.109 <hr/>

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND'000	2014 VND'000
Lương và các chi phí liên quan	10.872.787	10.039.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.922.194	2.954.476
Chi phí hao mòn tài sản cố định	382.573	248.007
Thuế và lệ phí	103.180	33.180
Chi phí khác	2.061.476	2.210.335
Chi phí tổn thất từ xử lý các khoản phải thu quá hạn	-	334.200
	<hr/> 16.342.210 <hr/>	<hr/> 15.819.199 <hr/>

26. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2015 VND'000	2014 VND'000
Chi phí thuế hiện hành		
Năm báo cáo hiện tại	22.430.370	18.519.747
Điều chỉnh thuế các năm trước	1.382.506	-
	<hr/> 23.812.876	<hr/> 18.519.747
Chi phí thuế hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	-	1.408.229
	<hr/> 23.812.876	<hr/> 19.927.976

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND'000	2014 VND'000
Lợi nhuận trước thuế	114.876.406	98.933.716
Thuế theo thuế suất của Công ty	25.272.809	21.765.418
Chi phí không được khấu trừ thuế	312.632	130.354
Thu nhập không chịu thuế (*)	(3.155.071)	(1.967.796)
Điều chỉnh thuế TNDN theo quyết định của thanh tra thuế	1.382.506	-
	<hr/> 23.812.876	<hr/> 19.927.976

(*) Thu nhập không chịu thuế là cổ tức nhận được do góp vốn đầu tư tại các đơn vị khác với tổng giá trị là 14.341.234 nghìn VND (2014: 8.944.525 nghìn VND) (Thuyết minh 22).

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế. Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc hội đã phê duyệt Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2015 VND'000	2014 VND'000
Lợi nhuận thuần trong năm	91.063.530	79.005.740

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2015	2014 (Trình bày lại)	2014 (Theo báo cáo trước đây)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	43.000.000	43.000.000	43.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ Công ty đang nắm giữ	(4.300.000)	(4.300.000)	(4.300.000)
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành tại ngày 3 tháng 7 năm 2015 (Thuyết minh 28)	4.643.888	4.643.888	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	43.343.888	43.343.888	38.700.000

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2015	2014 (Trình bày lại)	2014 (Theo báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.101	1.823	2.041

28. Cổ tức

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHCD ngày 14 tháng 4 năm 2015 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1704-15/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 4 năm 2015, Công ty đã thông báo cổ tức lần 2 năm 2014 với số tiền là 23.220.000 nghìn VND (tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 6% trên mệnh giá, tương đương 600 VND/cổ phiếu) (2014: 42.570.000 nghìn VND, 11% trên mệnh giá, tương đương 1.100 VND/cổ phiếu).

Ngoài ra, tại ngày 3 tháng 7 năm 2015, Công ty đã thông qua và thực hiện thành công phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2014 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHCD ngày 14 tháng 4 năm 2015, theo đó, số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu là 4.643.888 cổ phiếu tương ứng tỷ lệ phát hành 10,8%. Cổ đông hiện hữu được hưởng cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 12% (100 cổ phiếu được hưởng 12 cổ phiếu phát hành mới). Cổ phiếu phát hành sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 27).

Ngoài ra, căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1401-2016/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 1 năm 2016, Công ty thông qua tạm ứng cổ tức năm 2015 với tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 10% trên mệnh giá, tương đương 1.000 đồng/cổ phiếu. Công ty dự kiến chốt danh sách đăng ký cổ đông hưởng quyền vào ngày 3 tháng 2 năm 2016 và trả cổ tức vào ngày 29 tháng 2 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

Mẫu B09-CTCK

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

29. Biến động các khoản phải thu

Năm 2015

Khoản mục	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm 2015		Số cuối năm			Số dự phòng đã lập
	Tổng số VND'000	Số quá hạn VND'000	Số khó đòi VND'000	Tăng VND'000	Giảm VND'000	Tổng số VND'000	Số quá hạn VND'000	Số khó đòi VND'000	
Phải thu của khách hàng	5.840.864	-	-	119.513.529	120.497.033	4.857.360	-	-	-
Trả trước cho người bán	2.549.944	-	-	101.119	2.450.000	201.063	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	113.025	-	-	6.232.484	6.277.069	68.440	-	-	-
Các khoản phải thu khác	85.897.997	-	-	1.269.748.650	1.307.718.974	47.927.673	-	-	-
	94.401.830	-	-	1.395.595.782	1.436.943.076	53.054.536	-	-	-

Năm 2014

Khoản mục	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm 2014		Số cuối năm			Số dự phòng đã lập
	Tổng số VND'000	Số quá hạn VND'000	Số khó đòi VND'000	Tăng VND'000	Giảm VND'000	Tổng số VND'000	Số quá hạn VND'000	Số khó đòi VND'000	
Phải thu của khách hàng	11.018.451	973.316	800.000	75.189.368	80.366.955	5.840.864	-	-	-
Trả trước cho người bán	208.614	-	-	2.451.140	109.810	2.549.944	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	43.093	-	-	7.858.060	7.788.128	113.025	-	-	-
Các khoản phải thu khác	62.988.105	50.286.882	8.512.000	1.720.782.454	1.697.872.562	85.897.997	-	-	-
	74.258.263	51.260.198	9.312.000	1.806.281.022	1.786.137.455	94.401.830	-	-	-

30. Quản trị rủi ro tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

		31/12/2015	31/12/2014
		VND'000	VND'000
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	88.946.938	75.380.448
Đầu tư ngắn hạn khác – tiền gửi ngân hàng	(ii)	248.179.869	338.400.000
Phải thu khách hàng	(iii)	4.857.360	5.840.864
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		68.440	113.025
Các khoản phải thu khác		47.927.673	85.897.997
Tài sản ngắn hạn khác		11.538	656.308
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán		3.599.086	3.066.824
Tài sản dài hạn khác		1.023.182	1.018.677
		394.614.086	510.374.143

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

(ii) Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín. Ban giám đốc không nhận thấy rủi ro trọng yếu nào liên quan đến các khoản tiền gửi và ủy thác này và không cho rằng các tổ chức tín dụng này sẽ mất khả năng trả nợ và gây ra tổn thất tài chính cho Công ty.

(iii) Phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm các khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Giá trị ghi sổ VND'000	Dòng tiền theo hợp đồng VND'000	Trong vòng 1 năm VND'000
Vay ngắn hạn	40.000.000	42.013.478	42.013.478
Phải trả người bán	1.580.264	1.580.264	1.580.264
Chi phí phải trả	42.633	42.633	42.633
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	69.104.956	69.104.956	69.104.956
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.138.935	1.138.935	1.138.935
	111.866.788	113.880.266	113.880.266
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Giá trị ghi sổ VND'000	Dòng tiền theo hợp đồng VND'000	Trong vòng 1 năm VND'000
Vay ngắn hạn	144.935.000	149.365.450	149.365.450
Phải trả người bán	4.677.592	4.677.592	4.677.592
Chi phí phải trả	154.552	154.552	154.552
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	66.010.723	66.010.723	66.010.723
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	256	256	256
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.082.628	1.082.628	1.082.628
	216.860.751	221.291.201	221.291.201

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Rủi ro hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty có rủi ro hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Công ty có khoản tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái như sau:

	31/12/2015 USD (tương đương VND'000)	31/12/2014 USD (tương đương VND'000)
Tiền	15.262.057	18.195
Phải trả khác	-	(3.847.500)
	<hr/> 15.262.057	<hr/> (3.829.305)

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2015	31/12/2014
USD/VND	<hr/> 22.450	<hr/> 21.375

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng trên lãi thuần tại 31/12/2015 VND'000	Ảnh hưởng trên lãi thuần tại 31/12/2014 VND'000
USD (mạnh thêm 1%)	<hr/> 119.044	<hr/> (29.869)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lãi thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B09-CTCK

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
<i>Tài sản tài chính</i>		
Tiền gửi không kỳ hạn	88.946.938	75.380.448
Đầu tư ngắn hạn khác	230.900.000	338.400.000
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3.599.086	3.066.824
Phải thu khác từ nhà đầu tư	-	30.000.000
<i>Nợ phải trả tài chính</i>		
Vay ngắn hạn	(40.000.000)	(144.935.000)
	283.446.024	301.912.272

(iii) Rủi ro về giá

Rủi ro về giá phát sinh từ chứng khoán vốn do Công ty nắm giữ. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và tất cả các quyết định mua và bán đều phải được Hội đồng Đầu tư phê duyệt.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Công ty là 299.351.946 nghìn VND (31/12/2014: 249.435.441 nghìn VND).

Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 13% tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong năm của Công ty sẽ giảm 18.593.066 nghìn VND hoặc tăng 10.310.120 nghìn VND.

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND'000	2014 VND'000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt - Công ty con		
Ủy thác đầu tư	92.231.245	-
Phí ủy thác đầu tư	6.713.104	-
Hội đồng quản trị		
Lương, phụ cấp Hội đồng Quản trị	3.863.294	300.869
Thù lao của Hội đồng Quản trị	596.000	498.556
Ban Giám đốc		
Lương, phụ cấp Ban Giám đốc	2.278.382	2.063.200
	<hr/>	
	Số dư	
	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt - Công ty con		
Số dư Danh mục ủy thác đầu tư	98.944.349	-
Phí giao dịch chứng khoán phải thu	1.707	-
	<hr/>	

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động tài chính

	2015 VND'000	2014 VND'000
Tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối	46.438.880	-
	<hr/>	

33. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2015 VND'000	31/12/2014 VND'000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	4.925.250	-
	<hr/>	

(b) Hợp đồng thuê


Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND'000	VND'000
Trong vòng một năm	1.803.564	2.787.011
Trong vòng hai đến năm năm	-	1.135.919
	<hr/>	<hr/>
	1.803.564	3.922.930

34. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Ngày 25 tháng 11 năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty thông qua phương án bán tối đa 4.300.000 cổ phiếu quỹ với giá không thấp hơn 13.000 VND/cổ phiếu để bổ sung vốn lưu động. Ngày 4 tháng 2 năm 2016, Công ty đã bán được 229.250 cổ phiếu quỹ với tổng số tiền là 2.989.420 nghìn VND.

Người lập


Bà Nguyễn Thị Vân
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra


Ông Lê Quang Tiến
Kế toán trưởng

Người duyệt


Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 3 năm 2016